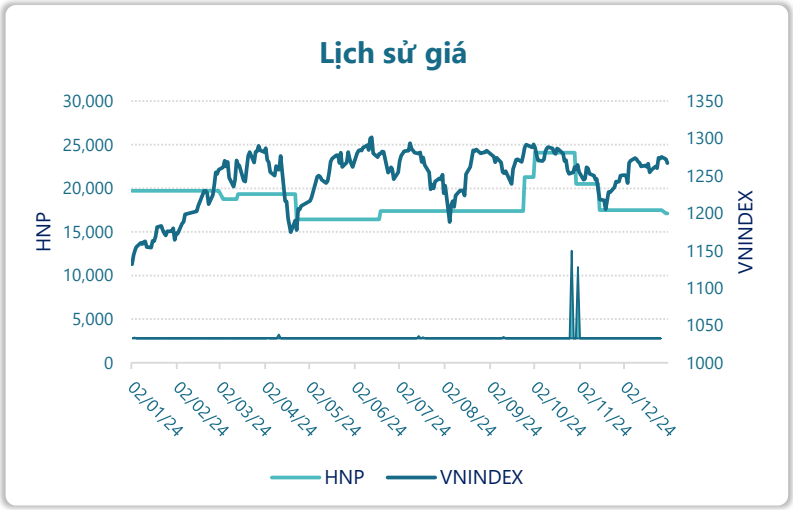
FireAnt

CTCP Hanel Xốp nhựa (UPCOM: HNP)



Thông tin giao dịch	31/12/2024
Giá hiện tại (VNĐ)	**17,700**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	24,167
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	16,433
SL cổ phiếu LH	5,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	40
% sở hữu nước ngoài	2.7%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	89
P/E	
EPS	

DT thuần

Q4/24

tỷ VNĐ

LN sau thuế

Q4/24

tỷ VNĐ

Tỷ suất lãi EBIT

2024

2.5%

+/- YoY: ▲ 0.9%

DT thuần

2024

353

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 44.0| 14.2%

LN sau thuế

2024

6.27

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 3.24| 107%

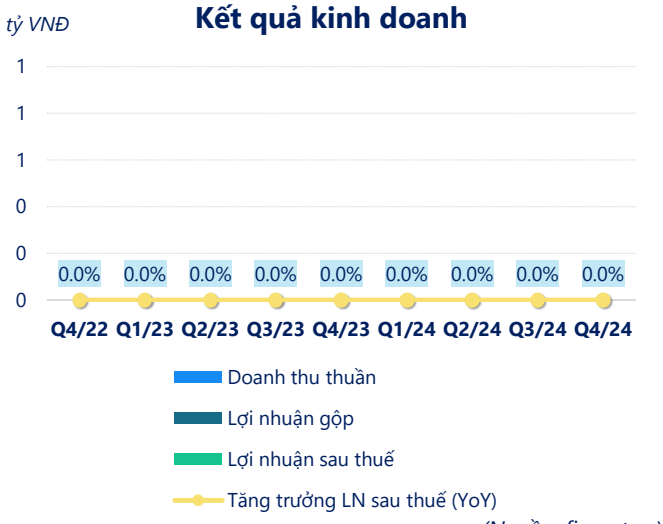
ROE

2024

4.8%

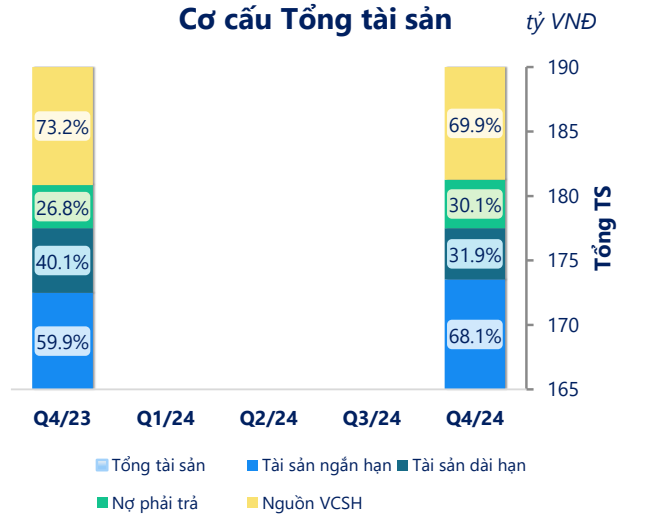
+/- YoY: ▲ 2.5%

Kết quả kinh doanh



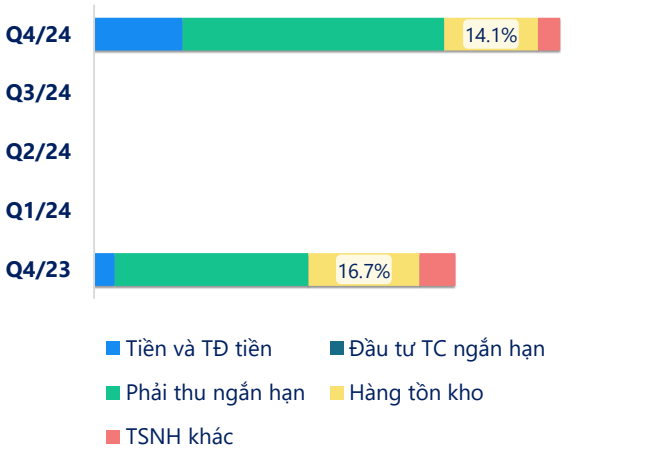
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



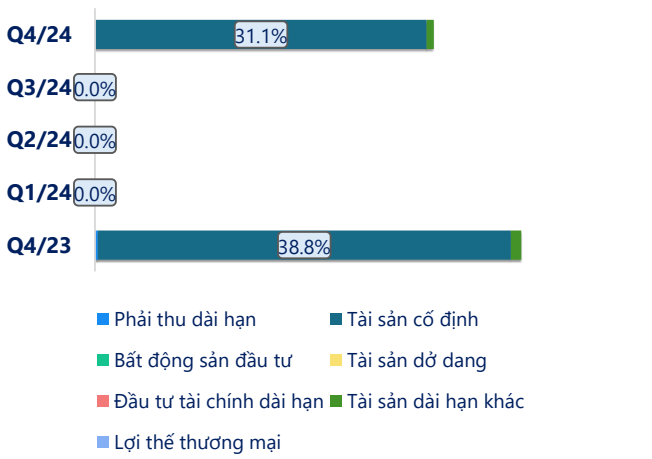
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



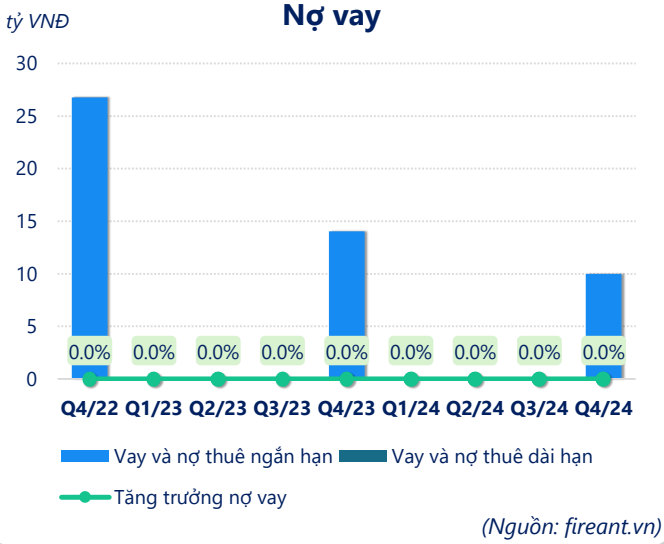
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



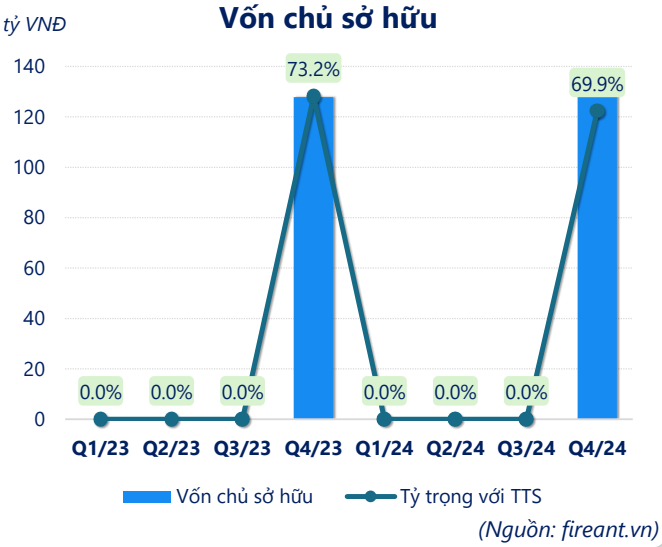
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



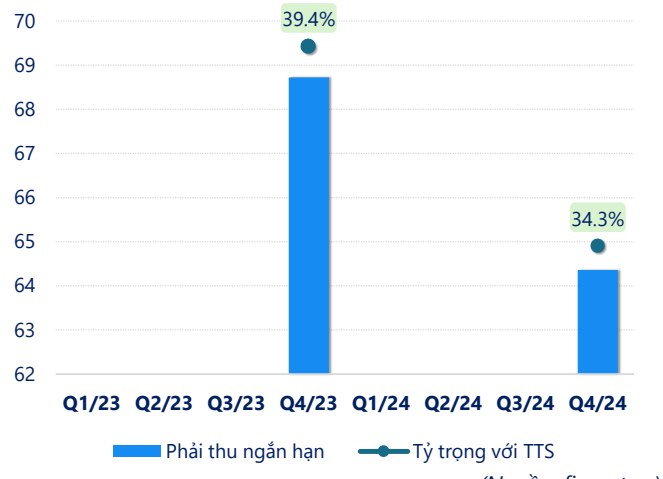
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



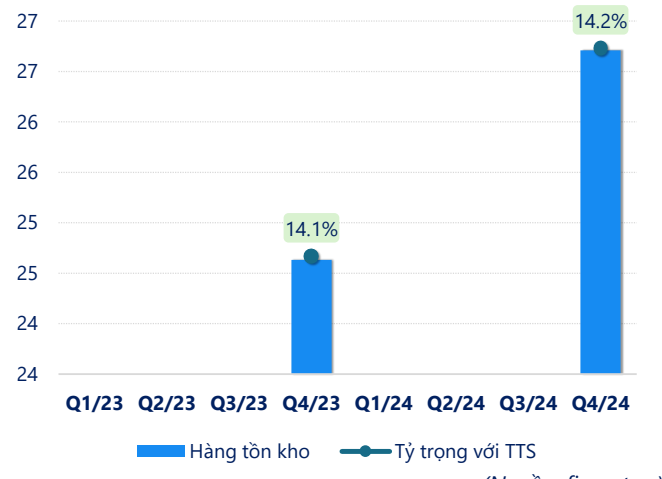
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



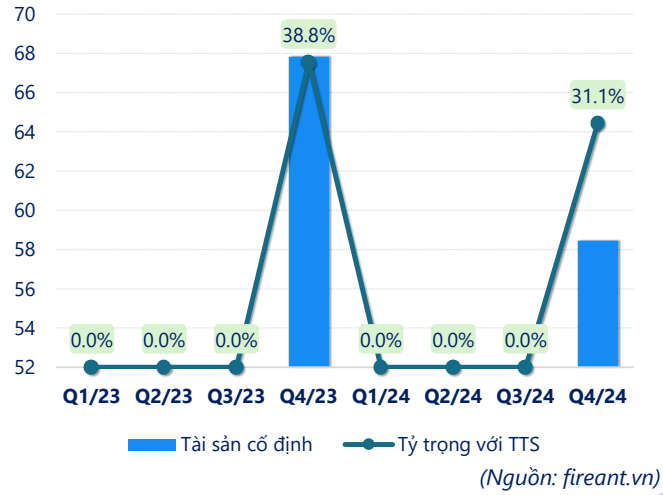
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



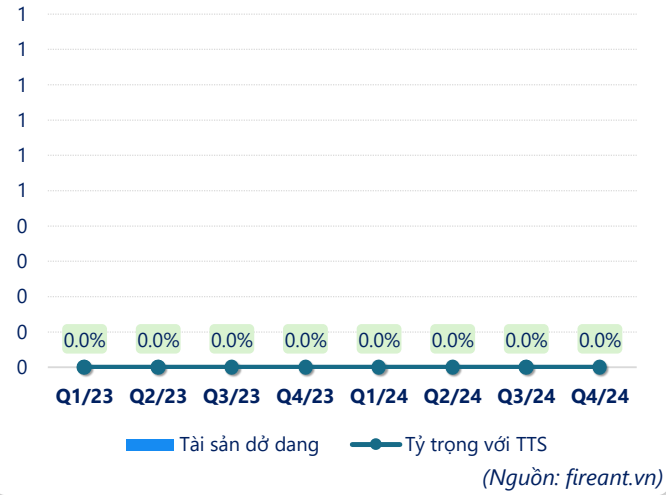
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



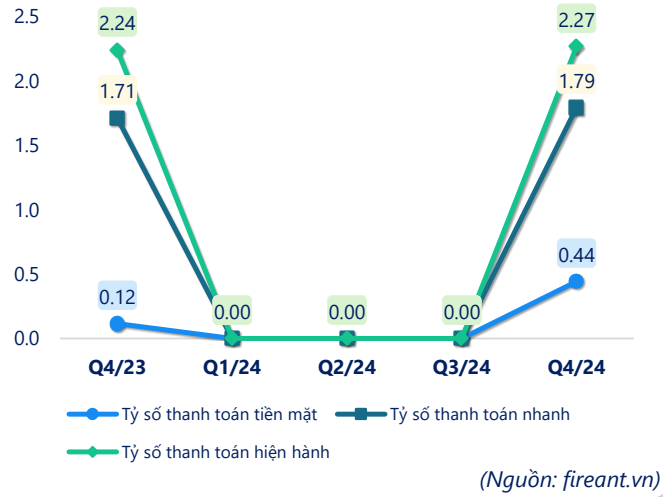
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



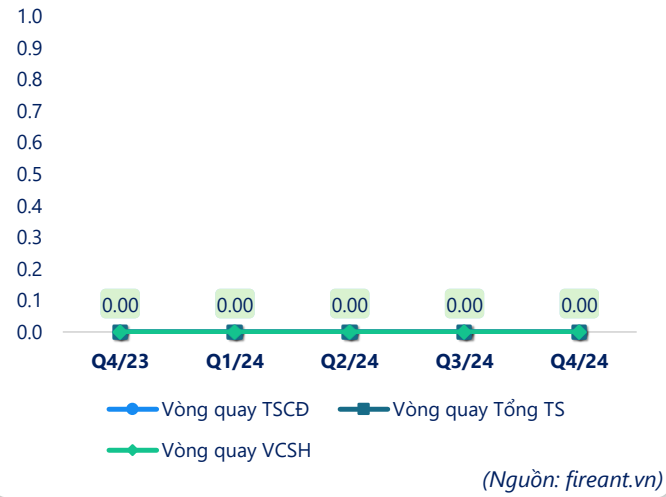
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Tổng tài sản	**175**				**188**
Tài sản ngắn hạn	**105**				**128**
Tiền và tương đương tiền	5.40				25.0
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0				0
Phải thu ngắn hạn	68.7				64.4
Hàng tồn kho	24.6				26.7
Tài sản ngắn hạn khác	5.88				11.9
Tài sản dài hạn	**70.0**				**59.8**
Phải thu dài hạn	0.45				0.10
Tài sản cố định	67.8				58.4
Bất động sản đầu tư	0				0
Tài sản dở dang	0				0
Đầu tư tài chính dài hạn	0				0
Tài sản dài hạn khác	1.70				1.25
Lợi thế thương mại	0				0
Nợ phải trả	**46.8**				**56.5**
Nợ ngắn hạn	**46.8**				**56.5**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	14.0				10.0
Phải trả người bán ngắn hạn	25.1				34.8
Nợ dài hạn	0				0
Vay và nợ thuê dài hạn	0				0
Nguồn vốn chủ sở hữu	**128**				**131**
Vốn chủ sở hữu	**128**				**131**
Vốn điều lệ	50.0				50.0
Kinh phí và quỹ khác	0				0

(Nguồn: fireant.vn)